

Số: 181 /QĐ- THADS

Lào Cai, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-BTP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 226/TB-CQLTHADS ngày 28/5/2026 của Cục Quản lý THADS về việc Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025

Theo đề nghị của Kế toán trưởng Kế toán ngân sách, Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính - Kế toán, các Phòng chuyên môn, Phòng Thi hành án dân sự khu vực và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục QLTHADS;
- Đăng tải trang TTĐT của THADS Lào Cai;
- Lưu: VT, TCKT.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Trần Văn Tường



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-THADS ngày 10 tháng 6 năm 2026)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3.340.428.433	3.340.428.433		
I	Tổng số thu phí	3.340.428.433	3.340.428.433		
II	Số phí nộp ngân sách nhà nước	837.771.633	837.771.633		
III	Số phí được để lại sử dụng	2.502.656.800	2.502.656.800		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	142.714.693.034	142.714.693.034		
I	Nguồn ngân sách trong nước	142.714.693.034	142.714.693.034		
1	Chi quản lý hành chính	142.714.693.034	142.714.693.034		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	47.631.079.703	47.631.079.703		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	95.083.613.331	95.083.613.331		
II	Nguồn phí được khấu trừ để lại	4.864.479.157	4.864.479.157		
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.864.479.157	4.864.479.157		
III	Nguồn khác được để lại	1.761.742.648	1.761.742.648		
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.761.742.648	1.761.742.648		

THUYẾT MINH
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 181 /QĐ-THADS ngày 10 tháng 6 năm 2026)

1 Nguồn ngân sách nhà nước	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	4.561.383.621
+ Kinh phí đã nhận:	
+ Dự toán còn lại dư ở kho bạc:	4.561.383.621
- Dự toán giao trong năm:	148.923.540.382
+ Dự toán được giao đầu năm:	63.039.758.000
+ Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm:	85.883.782.382
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	153.484.924.003
- Kinh phí thực nhận trong năm	142.848.168.204
- Kinh phí quyết toán:	142.714.693.034
- Kinh phí giảm trong năm:	2.079.161.051
- Số kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	8.691.069.918
Cụ thể:	
a) Loại 340-khoản 341	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	4.561.383.621
+ Kinh phí đã nhận:	
+ Dự toán còn lại dư ở kho bạc:	4.561.383.621
- Dự toán giao trong năm:	148.923.540.382
+ Dự toán được giao đầu năm:	63.039.758.000
+ Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm:	85.883.782.382
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	153.484.924.003
- Kinh phí thực nhận trong năm	142.848.168.204
- Kinh phí quyết toán:	142.714.693.034
+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	47.631.079.703
+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	95.083.613.331
- Kinh phí giảm trong năm:	2.079.161.051
- Số kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	8.691.069.918
2 Nguồn phí được khấu trừ để lại	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	1.605.406.189
- Dự toán giao trong năm:	6.042.378.000
- Số thu được trong năm	6.360.252.958
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	6.808.024.511
- Kinh phí quyết toán:	4.864.479.157
- Số kinh phí được chuyển sang năm sau :	1.891.465.554
3 Nguồn khác:	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	2.182.245.327
- Dự toán giao trong năm:	2.199.669.000
- Số thu được trong năm	
- Kinh phí được sử dụng trong năm:	2.182.245.327
- Kinh phí quyết toán:	1.761.742.648
- Số kinh phí được chuyển sang năm sau :	420.502.679